

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 17-10-2018

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Cao Phát;

Bà Trần Thị Thúy Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hiền là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Tha - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Thạch Chuôn Quát T, sinh năm 1984. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Chị Thạch Thị S, sinh năm 1984. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Thạch Chuôn Quát T trình bày: Anh và chị Thạch Thị S chung sống với nhau vào năm 2007 có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15, ngày 20/02/2007 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Thời gian chung sống với chị S có một con chung tên Thạch Ngọc Xuân T, sinh ngày 24/02/2009. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, chị S giấu giếm anh vay vốn cũng như kinh phí xã nghèo chị S

đi dạy học có được. Vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau nên cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Anh có nhiều lần khuyên bảo nhưng chị S không khắc phục sửa chữa, nay tình cảm vợ chồng không còn. Anh và chị S không còn chung sống với nhau từ tháng 3 năm 2018 cho đến nay. Nay anh yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với chị Thạch Thị S.

Về con chung: Yêu cầu được nuôi con chung tên Thạch Ngọc Xuân T, sinh ngày 24/02/2009, nhưng nếu con có nguyện vọng sống với chị S thì anh cũng đồng ý giao con chung cho chị S nuôi dưỡng.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Thạch Thị S là bị đơn trình bày: Chị thống nhất như lời trình bày của anh Quát T về thời điểm kết hôn, thời gian chung sống, con chung. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chị có một số bất đồng về quan điểm sống, nhiều lần cự cãi dẫn đến rạn nứt tình cảm vợ chồng. Chị và anh Quát T đã không còn chung sống với nhau từ tháng 3/2018 cho đến nay. Nay anh Quát T yêu cầu ly hôn thì chị không đồng ý ly hôn mà yêu cầu đoàn tụ để nuôi dạy con.

Trường hợp Tòa án cho ly hôn thì chị yêu cầu:

Về nuôi con chung: Chị yêu cầu được nuôi con chung tên Thạch Ngọc Xuân T, sinh ngày 24/02/2009 và yêu cầu anh Quát T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản: Vào ngày 04/7/2018 chị có làm đơn phản tố yêu cầu chia tài sản chung với anh Quát T như sau:

+ 01 (một) căn nhà tường cấp 4, nền gạch men, vách tường, mái tôn, cất trên phần đất tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh của cha mẹ chồng tôi là ông Thạch C và bà Thạch Thị H. Do nhà được cất trên đất là của cha mẹ chồng chị là ông Thạch C và bà Thạch Thị H nên chị chỉ yêu cầu chia căn nhà không yêu cầu chia đất. Chị đồng ý giao cho anh Quát T trực tiếp quản lý và sử dụng căn nhà. Đồng thời chị yêu cầu anh Quát T phải trả lại 1/2 giá trị căn nhà lại cho chị. Giá trị căn nhà là 100.000.000 đồng.

+ 01 chiếc xe hiệu YAMAHA loại Exciter 150 phân khối, biển số 84K1-201.76, trị giá 53.000.000 đồng hiện do anh Quát T đứng tên và sử dụng; Chị yêu cầu được trực tiếp quản lý và sử dụng 01 chiếc xe hiệu YAMAHA loại Exciter 150 phân khối.

+ 01 chiếc xe hiệu YAMAHA loại Sirius, biển số 84K3-9311 trị giá 13.000.000 đồng hiện do chị đứng tên và sử dụng; Chị đồng ý giao cho anh Quát T trực tiếp quản lý và sử dụng 01 chiếc xe hiệu YAMAHA loại Sirius.

+ Một số đồ dùng sinh hoạt và phục vụ trong gia đình như 01 bàn dài loại inox mặt kính; 02 hai bàn tròn: 01 inox, 01 gỗ; 03 tủ nhôm, 02 giường hộp, 01 tủ

lạnh. Tổng giá trị là 10.000.000 đồng. Chị yêu cầu được trực tiếp quản lý và sử dụng.

Đến ngày 09/8/2018, chị có đơn rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố chia tài sản và yêu cầu Tòa án đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản của chị. Tại phiên tòa, chị vẫn giữ nguyên ý kiến xin rút lại yêu cầu phản tố chia tài sản nêu trên.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Thạch Ngọc Xuân T trình bày: Tôi là con của ông Thạch Chuônl Quát T và bà Thạch Thị S. Nếu cha mẹ ly hôn, tôi có nguyện vọng sống với mẹ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 217, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu của anh Thạch Chuônl Quát T, cho anh Thạch Chuônl Quát T được ly hôn với chị Thạch Thị S. Về con chung: Giao con chung cho bà Thạch Thị S nuôi dưỡng, anh Thi có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 695.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Chị S tự nguyện xin rút lại yêu cầu phản tố chia tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố chia tài sản của chị S, anh Thi không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc anh Thạch Chuônl Quát T nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Thạch Chuônl Quát T và chị Thạch Thị S ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 28, 35, 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Thạch Chuônl Quát T và chị Thạch Thị S chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất

đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau, không quan tâm lẫn nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Anh Thạch Chuôn Quát T và chị Thạch Thị S cũng không còn chung sống với nhau từ tháng 3 năm 2018 cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay, anh Thạch Chuôn Quát T xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị S và yêu cầu ly hôn với chị Thạch Thị S nhưng chị Thạch Thị S không đồng ý ly hôn mà yêu cầu đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy rằng việc chị Thạch Thị S yêu cầu được đoàn tụ là không có căn cứ, bởi lẽ sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần hòa giải động viên anh Thạch Chuôn Quát T và chị Thạch Thị S tạo điều kiện cho hai bên hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả.

Mặt khác, chị Thạch Thị S cũng thừa nhận là vợ chồng có một số bất đồng về quan điểm, nhiều lần cãi nhau dẫn đến rạn nứt tình cảm vợ chồng. Sau khi Tòa án hòa giải nhiều lần, chị Thạch Thị S có đến gặp anh Thạch Chuôn Quát T để trao đổi xin được đoàn tụ nhưng anh Thạch Chuôn Quát T né tránh. Đồng thời, chị Thạch Thị S cũng không đưa ra được giải pháp để đoàn tụ. Từ đó, xét thấy đời sống chung giữa anh Thạch Chuôn Quát T và chị Thạch Thị S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cho nên anh Thạch Chuôn Quát T yêu cầu ly hôn với chị Thạch Thị S là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Xét thấy từ khi anh Thạch Chuôn Quát T và chị Thạch Thị S không còn chung sống với nhau thì con chung tên Thạch Ngọc Xuân T, sinh ngày 24/02/2009 do chị Thạch Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và vẫn đảm bảo nuôi dưỡng con tốt. Đồng thời, Thạch Ngọc Xuân T cũng có nguyện vọng sống với mẹ, nên Hội đồng xét xử xem xét giao con chung cho chị Thạch Thị S tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị Thạch Thị S yêu cầu anh Thạch Chuôn Quát T cấp dưỡng nuôi con tên Thạch Ngọc Xuân T, sinh ngày 24/02/2009 theo quy định của pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Thạch Chuôn Quát T cũng tự nguyện cấp dưỡng nuôi con tên Thạch Ngọc Xuân T, sinh ngày 24/02/2009 theo quy định pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của anh Thạch Chuôn Quát T mỗi tháng bằng 1/2 tháng lương cơ bản hiện nay là 695.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản: Chị Thạch Thị S rút yêu cầu phản tố chia tài sản chung, đây là sự tự nguyện rút lại yêu cầu của chị S nên đình chỉ yêu cầu phản tố chia tài sản chung của chị S.

Anh Thạch Chuôn Quát T không yêu cầu giải quyết về tài sản nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh Thạch Chuôn Quát T và chị Thạch Thị S khai không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Anh Thạch Chuôn Quát T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị S không phải chịu án phí chia tài sản theo quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39, 147, 217, 218, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Thạch Chuôn Quát T.

Cho anh Thạch Chuôn Quát T ly hôn chị Thạch Thị S.

Về con chung:

Giao con chung tên Thạch Ngọc Xuân T, sinh ngày 24/02/2009 cho chị Thạch Thị S trực tiếp nuôi dưỡng.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Thạch Chuôn Quát T cấp dưỡng nuôi con chung tên Thạch Ngọc Xuân T, sinh ngày 24/02/2009 mỗi tháng là 695.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản: Đình chỉ yêu cầu phân tố chia tài sản chung của chị Thạch Thị S. Chị Thạch Thị S được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật. Anh Thạch Chuôn Quát T không yêu cầu giải quyết về tài sản nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Anh Thạch Chuôn Quát T và chị Thạch Thị S tự khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Thạch Chuôn Quát T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0016174 ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Anh Thạch Chuôn Quát T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm. Buộc anh Thạch Chuôn Quát T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con.

Chị Thạch Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị Thạch Thị S 2.825.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0017907 ngày 09 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cầu Kè;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- CCTHADS huyện Cầu Kè;
- Đương sự;
- UBND xã H,
- huyện Cầu Kè; tỉnh Trà Vinh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Thắng